

Số: /KH-UBND

Cẩm Thạch, ngày tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH

Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Mục đích:

Xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của xã, đảm bảo phát triển ngành chăn nuôi phù hợp với quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu:

- Tổ chức quán triệt nội dung của kế hoạch tới thôn, người dân và doanh nghiệp để nắm chắc quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng và các giải pháp thực hiện.

- Xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực trong ngành chăn nuôi giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, từ đó xây dựng các nội dung, tiến độ và trách nhiệm trong triển khai thực hiện.

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa UBND xã, MTTQ & các đoàn thể xã, các thôn và các cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu tổng quát:

- *Đến năm 2030*: phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng và thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển chăn nuôi toàn diện, theo hướng tập trung, ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả bảo đảm an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm; tăng cường liên kết, hợp tác trong chăn nuôi theo chuỗi liên kết giá trị có khả năng cạnh tranh; đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- *Tầm nhìn đến năm 2045*: xây dựng ngành chăn nuôi xã Cẩm Thạch cơ bản được áp dụng công nghệ khoa học kỹ thuật ở hầu hết các khâu từ sản xuất, vận chuyển, giết mổ, sơ chế, chế biến, đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm; không chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; bệnh lây nhiễm sang người; sản phẩm chăn nuôi thịt, trứng được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu đến năm 2025:

Mức tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi trung bình hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 5,0 %/năm.

Tổng giá trị sản xuất chăn nuôi cả giai đoạn theo giá hiện hành đạt khoảng 200 tỷ đồng.

a) Tổng đàn chăn nuôi

Đàn trâu đạt 531 con, trong đó tỷ lệ lai hóa đàn trâu đạt 35%.

Đàn bò đạt 100 con, trong đó đàn bò thịt đạt 50 con.

Đàn lợn đạt 870 con, trong đó đàn lợn nái 100 con đến 150 con (trong đó nái ngoại chiếm 55% tổng đàn), lợn hướng nạc 480 con, tỷ trọng lợn nạc đạt 55% tổng đàn; đàn lợn được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 55%.

Đàn gia cầm đạt 64.000 con: tổng đàn gà đạt 60.000con, trong đó, đàn gà lông màu 30.000 con; gà ri, gà mía, gà đồi đạt 10.000 con; vịt cỏ, vịt bầu, đạt 10.000 con, 40% tổng đàn được nuôi theo phương thức công nghiệp.

- Vật nuôi khác:

Đàn dê đạt 300 con, 50% được nuôi tại các trang trại theo phương thức bán công nghiệp kết hợp chăn thả có kiểm soát.

b) Sản phẩm chăn nuôi

- Sản lượng thịt hơi các loại: đạt từ 1.367 tấn, trong đó: thịt lợn đạt từ 35%, thịt gia cầm đạt từ 25 %, thịt gia súc ăn cỏ đạt từ 30 %.

- Sản lượng trứng: Đạt 1 triệu quả trứng trở lên.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030:

Mức tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi trung bình hàng năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5,4 % trở lên.

Tổng giá trị sản xuất chăn nuôi cả giai đoạn theo giá hiện hành đạt khoảng 221 tỷ đồng.

a) Tổng đàn chăn nuôi.

Đàn trâu đạt 500 con, trong đó tỷ lệ lai hóa đàn trâu đạt 50%.

Đàn bò đạt 150 con, trong đó đàn bò thịt đạt 100 con.

Đàn lợn đạt 975 con, trong đó đàn lợn nái 100 con đến 150 con (trong đó nái ngoại chiếm 75 % tổng đàn), lợn hướng nạc 537 con, tỷ trọng lợn nạc đạt 55% tổng đàn; đàn lợn được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 60%.

Đàn gia cầm đạt 70.000 con: tổng đàn gà đạt 50.000con, trong đó, đàn gà lông màu 40.000 con; gà ri, gà mía, gà đồi đạt 10.000 con; vịt cỏ, vịt bầu, đạt 10.000 con, 50% tổng đàn được nuôi theo phương thức công nghiệp.

- Vật nuôi khác:

Đàn dê đạt 300 con, 60% được nuôi tại các trang trại theo phương thức bán công nghiệp kết hợp chăn thả có kiểm soát.

b) Sản phẩm chăn nuôi.

Sản lượng thịt hơi các loại: đạt từ 1.400 tấn, trong đó: thịt lợn đạt từ 40%, thịt gia cầm đạt từ 30%, thịt gia súc ăn cỏ từ 30%.

- Sản lượng trứng: đạt 1 triệu quả trứng trở lên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Công tác tuyên truyền:

- Nâng cao nhận thức và tầm quan trọng định hướng chung của ngành chăn nuôi, mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; đồng thời, tiếp tục chú trọng nội dung tuyên truyền, tập huấn Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chiến lược phát triển chăn nuôi; Chương trình phát triển sản xuất giống vật nuôi; Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp; Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh, cấp huyện và các văn bản chỉ đạo về chăn nuôi, thú y.

- Thông tin, tuyên truyền phổ biến các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh, quán triệt sâu sắc cho toàn thể cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ đảng viên trực tiếp làm việc, tiếp xúc với người chăn nuôi để tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi hiểu, đồng thuận tổ chức thực hiện, từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

2. củng cố nâng cao năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y:

- Tiếp tục phối hợp với UBND huyện, TTDVNN huyện đào tạo nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y xã. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn với hoạt động khuyến nông. Chú trọng đào tạo kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

3. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi:

- Đưa các loại giống vật nuôi có năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện sản xuất trên địa bàn xã, từng phương thức chăn nuôi; hỗ trợ tích cực cho chương trình xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm chăn nuôi sản xuất theo chuỗi và truy xuất được nguồn gốc. Tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ.

- Tiếp tục cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò trong huyện, phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng một số giống bò có khả năng thích nghi với điều kiện sinh thái trong xã để tạo đàn cái nền phục vụ cho lai tạo giống bò thịt chất lượng cao.

- Bình tuyển, chọn lọc đàn trâu trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống, thực hiện tốt giải pháp đảo đực giống giữa các vùng nhằm tránh tình trạng cận huyết và phát huy ưu thế lai.

- Quản lý giống lợn, giống gia cầm gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm. Hằng năm, tổ chức đánh giá, bình tuyển chất lượng đàn lợn giống phẩm cấp giống, đàn gia cầm trên địa bàn nhằm loại thải giống kém chất lượng, không có lý lịch, nguồn gốc rõ ràng. Kiểm tra đánh giá chất lượng tinh lợn đực giống tham gia thụ tinh nhân tạo.

- Nhân thuần, chọn lọc nâng cao, cải tiến năng suất, chất lượng giống vật nuôi bản địa có nguồn gen quý, hiếm làm nguyên liệu lai tạo với các giống cao sản phù hợp cho từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường bảo đảm có số lượng sản phẩm đủ lớn và đồng nhất về chất lượng đáp ứng cho tiêu dùng.

4. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi:

- Khuyến khích kêu gọi đầu tư, xây dựng các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, chế phẩm sinh học dùng thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp, như: men, bã bia, bã sắn, phụ phẩm lò mổ, đầu xương...; khuyến khích các cơ sở chăn nuôi sử dụng thức ăn tự nghiền, phối trộn để giảm chi phí giá thành sản xuất.

- Chuyển đổi, tận dụng diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ, trồng ngô sinh khối. Đặc biệt là trồng ngô sinh khối trên đất bãi và vụ đông trên đất 02 vụ lúa,... kết hợp với công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp để phát triển chăn nuôi, vỗ béo trâu, bò, dê.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi, phát hiện và xử lý nghiêm theo pháp luật các trường hợp sản xuất, bổ sung chất cấm, chất kích thích sinh trưởng cấm dùng trong thức ăn chăn nuôi.

5. Ứng dụng công nghệ hỗ trợ ngành chăn nuôi:

Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại và chăn nuôi nông hộ.

6. Đổi mới tổ chức sản xuất:

- Khuyến khích phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới, mô hình khởi nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, tổ hợp tác và hợp tác xã.

- Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường phù hợp với quy mô, tiến tới lâu dài là giảm bớt hình thức chăn nuôi nông hộ. Thực hiện khai báo chăn nuôi ban đầu với UBND xã để kiểm soát tình hình dịch bệnh, nắm bắt tổng đàn, khuyến cáo chăn nuôi.

7. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường:

- Chủ động tổ chức và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm và các vật nuôi khác; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, nhất là cơ sở sản xuất giống và vùng chăn nuôi tập trung; thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi quy mô lớn; tăng cường quản lý nhà nước về cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ; quản lý công tác giống vật nuôi theo quy định; triển khai thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu trong chăn nuôi; công tác khai báo ban đầu về chăn nuôi và xử lý vi phạm,...

- Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) đối với các cơ sở chăn nuôi. Đẩy mạnh tỷ lệ tiêm phòng bắt buộc và có biện pháp loại trừ các cá thể mang trùng đối với các bệnh nguy hiểm, tạo đàn gia súc, gia cầm sạch bệnh.

- Tăng cường kiểm soát môi trường và nâng cao hiệu quả xử lý chất thải chăn nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất năng lượng tái tạo và chăn nuôi côn trùng (như giun quế,...) có lợi cho sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra chặt chẽ công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y tại các cơ sở giết mổ để hạn chế phát sinh và lây lan dịch bệnh.

8. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến, tiêu thụ sản phẩm:

- Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hóa, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

9. Đào tạo, tập huấn:

- Phối hợp đào tạo nghề cho người chăn nuôi không còn khả năng chăn nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác thuận lợi hơn.

- Đào tạo cho người chăn nuôi kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm thông qua các chương trình tập huấn, dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

10. Khoa học và công nghệ:

- Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng chuyển giao các công nghệ mới, tiên tiến trong chăn nuôi. Ưu tiên hoạt động ứng dụng công nghệ sinh học và chuyển giao quy trình.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào quy trình sản xuất, sản xuất thức ăn, chăm sóc vật nuôi; tập trung đẩy mạnh hình thức chăn nuôi với quy mô công nghiệp, trang trại.

- Từng bước nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác quản lý nhà nước trong chăn nuôi.

11. Triển khai có hiệu quả các chính sách, cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; rà soát, ban hành mới các cơ chế phát triển chăn nuôi nhất là đối với các khu vực cấm chăn nuôi phải di dời.

- Chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung, cơ sở giết mổ tập trung ..vv.

- Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất, hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình, chuỗi liên kết trong chăn nuôi, nhất là đối với khu vực chăn nuôi nông hộ thông qua khuyến khích hình thức hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào chăn nuôi có gắn kết với các trang trại, hộ chăn nuôi.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách xã đảm bảo theo quy định, được phân bổ từ các nguồn vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp được giao, các thôn, công chức chuyên môn theo phân công nhiệm vụ thực hiện tham mưu cho UBND xã theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này.

Định kỳ hằng năm tổng hợp (trước ngày 15/12) để báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả thực hiện.

2. Ban Nông nghiệp xã là đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra các thôn, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các công việc, đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định; định kỳ tổng hợp báo cáo, đề xuất với UBND xã, Chủ tịch UBND xã các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội xã với chức năng, nhiệm vụ được giao tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện tốt các nội dung về chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Đảng ủy, HĐND (B/c);
- BCĐ xã, 7 thôn (T/h);
- Lưu : VP UBND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Sỹ